

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HS-ST

Ngày: 31-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm

Bà Đoàn Thị Chuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2021/TLST-HS ngày 12/3/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 18/3/2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1951 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Tòng Hóa, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Bằng và bà Nguyễn Thị Đỗ; có vợ và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 24/12/2020 đến ngày 27/12/2020), đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/5/1978 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Tòng Hóa, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Hải; không có chồng, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 24/12/2020 đến ngày 27/12/2020), đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông **Phạm Văn Đ** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Lương Văn H**, sinh năm 2003; nơi cư trú: Xã Tân Minh, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. NLC1,

2. NLC2.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền, Nguyễn Văn T đặt vấn đề với con gái là Nguyễn Thị N về việc dùng nhà ở của N làm địa điểm để T bán số lô, số đề. Được con gái đồng ý, ngày 24/12/2020 T dùng sổ, bút, ghế ngồi, thùng nhựa (làm bàn viết) bán số lô, số đề tại nhà của N ở thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Khoảng 16 giờ cùng ngày có 1 người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đến gặp T

mua 4,5 điểm số lô 34 (mỗi điểm lô là 20.000 đồng, thành tiền là 90.000 đồng; số lô 57, 75 mỗi số 03 điểm, thành tiền là 120.000 đồng; các số đề là 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 05, 15, 25, 35, 45, 55, 65, 75, 85, 95, mỗi số 5.000 đồng, thành tiền là 100.000 đồng. T đồng ý bán cho người đàn ông này các số lô, đề như trên rồi ghi vào quyển sổ gọi là “bảng đề” và ghi vào mảnh giấy nhỏ gọi là “cáp đề”. T đưa “cáp đề” cho người đàn ông này, thu số tiền 310.000 đồng rồi nhờ N cầm hộ. Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, Lương Văn H, NLC1 và NLC2 lần lượt đến gặp T để mua số lô, số đề. NLC1 mua các số lô 24, 42, 98 mỗi số 50 điểm, thành tiền là 3.000.000 đồng. NLC2 mua các số lô 67, 76 mỗi số 50 điểm, thành tiền là 2.000.000 đồng; các số đề 24, 42, 79, 56, 65 mỗi số 110.000 đồng, thành tiền là 550.000 đồng. Tổng số tiền NLC2 mua là 2.550.000 đồng, T khuyến mại cho NLC2 50.000 đồng, NLC2 phải trả 2.500.000 đồng. H mua số lô xiên hai 96-98, thành tiền là 50.000 đồng. T đồng ý bán cho NLC1, NLC2, H các số lô, số đề như trên, ghi vào “bảng đề”, đưa “cáp đề” cho NLC1, NLC2 và H và bảo N thu hộ số tiền 5.550.000 đồng của NLC1, NLC2 và H. Sau khi trả tiền, H tiếp tục mua của T số lô xiên hai 88-60 thành tiền là 100.000 đồng; số lô ba 88-61-59 thành tiền là 50.000 đồng; số lô 54 x 35 điểm, thành tiền là 700.000 đồng; số lô 88 x 15 điểm thành tiền là 300.000 đồng; số đề 32 thành tiền là 77.000 đồng; số đề 31, 33, 89 mỗi số 44.000 đồng thành tiền là 132.000 đồng. Tổng số tiền H mua thêm là 1.359.000 đồng, T khuyến mại cho H 19.000 đồng, H phải thanh toán 1.340.000 đồng. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang ghi các số lô, số đề vào “bảng đề”, chưa kịp ghi “cáp đề” và chưa thu tiền của H thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Miện phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Thu giữ trên người N số tiền 11.330.000 đồng, thu giữ trên người T số tiền 300.000 đồng, thu trên người H số tiền 1.100.000 đồng và 01 mảnh giấy hình chữ nhật kích thước 3,5cm x 8cm có dòng kẻ ngang trên bề mặt có viết chữ và số tự nhiên; thu trên người NLC2 01 mảnh giấy hình chữ nhật kích thước 3,5cm x 12cm có dòng kẻ ngang, trên bề mặt có viết chữ và số tự nhiên; thu trên người NLC1 01 mảnh giấy hình chữ nhật kích thước 3,5cm x 12cm có dòng kẻ ngang trên bề mặt có viết chữ và số tự nhiên; 02 quyển vở ghi đều có kích thước 18cm x 25cm; thu giữ 01 bút mực xanh và 01 bút mực đen và 01 số mảnh giấy đều có kích thước 3,5cm x 12cm trên bề mặt không viết gì, 01 ghế nhựa màu trắng, 01 thùng nhựa màu vàng.

Đánh bạc dưới hình thức đánh số lô, số đề là căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày: Số đề hai số là người chơi chọn mua hai chữ số tự nhiên bất kỳ với số tiền nhất định. Số đề 2 số được so sánh với hai số cuối của giải đặc biệt, nếu trùng nhau nghĩa là người mua thắng và được trả gấp 70 lần số tiền đã mua; nếu người mua thua thì mất toàn bộ số tiền đã bỏ ra. Số lô gồm 2 số tự nhiên bất kỳ, người chơi mua được so sánh với 2 số cuối của tất cả các giải; nếu số lô người chơi mua trùng với 2 số cuối của bất kỳ một trong các giải của kết quả xổ số thì mỗi điểm lô người mua được trả 70.000 đồng; nếu người mua thua thì mất toàn bộ số tiền đã bỏ ra.

Quá trình điều tra xác định: NLC1 dùng 3.000.000 đồng, NLC2 dùng 2.550.000 đồng, Lương Văn H dùng 1.409.000 đồng và một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ dùng 310.000 đồng để ghi số lô, số đề; Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, Kết luận giám định chữ viết và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Văn T,

Nguyễn Thị N đánh bạc là 7.269.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 08A ngày 09/02/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Các chữ viết, chữ số trên các tài liệu giám định với chữ viết, chữ số đứng tên Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 11/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị N ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương để xét xử về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện là đúng, xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương. Bị cáo N tự nguyện nộp số tiền phải truy thu của Lương Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn T. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 7 tháng đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị N từ 6 tháng đến 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quy Nhà nước số tiền 6.960.000 đồng do phạm tội mà có; Tịch thu tiêu hủy 02 bút mực, 01 ghế nhựa, 01 thùng nhựa màu vàng hình chữ nhật là công cụ phạm tội; truy thu của Lương Văn H 240.000 đồng tiền đánh bạc, chấp nhận sự tự nguyện của N nộp thay cho H; trả lại N 5.230.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội. Truy thu số tiền 69.000 đồng T khuyến mại cho các đối tượng ghi lô, đề, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã thu, trả lại cáo Nguyễn Văn T số tiền 231.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không tranh luận. Người bào chữa cho bị cáo T trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ từ 6 đến 9 tháng và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo T, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã luận tội đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, Kết luận giám định chữ viết, “băng đề”, “cáp đề” và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Chiều ngày 24/12/2020, Nguyễn Văn T đến nhờ nhà của con gái là Nguyễn Thị N ở thôn T, xã Đ, huyện T làm địa điểm đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh số lô, đề và bảo N thu tiền hộ. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T đánh bạc với một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) số tiền 310.000 đồng; Lường Văn H số tiền 1.409.000 đồng (H mới trả T 50.000 đồng và được T khuyến mại 19.000 đồng); NLC1 số tiền 3.000.000 đồng; NLC2 số tiền 2.550.000 đồng (T khuyến mại cho NLC2 50.000 đồng) còn N là người thu, đếm tiền đánh bạc. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày các đối tượng đánh bạc bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 7.269.000 đồng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nhưng vì động cơ tư lợi, muốn có tiền nhanh chóng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố các bị cáo ra trước tòa để xét xử với tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định bị cáo Nguyễn Văn T là người thực hành tích cực, giữ vai trò chính; bị cáo Nguyễn Thị N tạo điều kiện về địa điểm cho bị cáo T, đồng thời là người thực hành nhưng ít tích cực hơn, giữ vai trò thứ hai. Hội đồng xét xử sẽ xem xét vai trò, vị trí của các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T là người có công với cách mạng (thương binh hạng 4/4) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T sinh năm 1951, tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa đủ 70 tuổi nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N có bố đẻ là thương binh, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, có

nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ quy định của pháp luật, sau khi xem xét vị trí vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nơi cư trú rõ ràng có thể cho cải tạo tại địa phương tạo điều kiện giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm và cũng có tác dụng giáo dục thành công dân tốt, đồng thời bảo đảm mục đích đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T là thương binh và là người cao tuổi, bị cáo N không có chồng mà đang nuôi con nhỏ; các bị cáo đều có điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập thấp và không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Số tiền dùng vào việc phạm tội là 7.290.000 đồng cần tịch thu để sung quỹ nhà nước. Trong đó: Số tiền người đàn ông không rõ tên, địa chỉ đánh bạc là 300.000 đồng; số tiền NLC1 đánh bạc là 3.000.000 đồng; số tiền NLC2 đánh bạc là 2.550.000 đồng, đã trả T 2.500.000 đồng, cần truy thu của T số tiền 50.000 đồng; số tiền H đánh bạc là 1.409.000 đồng, T giảm cho H 19.000 đồng, H phải trả T 1.390.000 đồng, đã trả 50.000 đồng, cần truy thu của T số tiền 19.000 đồng và truy thu của H số tiền 1.340.000 đồng. Số tiền truy thu của T là 69.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã thu giữ của T và trả bị cáo T số tiền không liên quan đến việc phạm tội là 231.000 đồng. Số tiền 1.100.000 đồng thu giữ của Lương Văn H đối trừ vào số tiền truy thu 1.340.000 đồng, H còn phải nộp 240.000 đồng; chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo N nộp thay cho H, trừ vào số tiền đã thu giữ của N và trả bị cáo N số tiền còn lại không liên quan đến việc phạm tội là 5.230.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 02 bút mực, 01 ghế nhựa, 01 thùng nhựa màu vàng hình chữ nhật là công cụ phạm tội.

[6] NLC1, NLC2, Lương Văn H có hành vi đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện Thanh Miện đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định. Quá trình điều tra, T khai đã nhận ghi số lô, đề để hưởng phần trăm hoa hồng của một người đàn ông khi người này giao băng lô, đề cho người tên N ở thị trấn Thanh Miện là chủ đề. Tuy nhiên, T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người nhận “băng đề” và người tên N, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ. Ngoài ra, T còn khai những ngày trước đó có bán số lô, số đề cho một số người nhưng không nhớ bán cho ai, số tiền bao nhiêu, nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T là người có công với cách mạng và là người cao tuổi, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 7 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.290.000 đồng dùng vào việc phạm tội (gồm: Số tiền 5.860.000 đồng những người ghi sổ lô, đề đã trả bị cáo; số tiền 1.100.000 đồng thu giữ trên người Lương Văn H dùng vào việc phạm tội; truy thu số tiền Lương Văn H đánh bạc chưa trả là 240.000 đồng (bị cáo Nguyễn Thị N tự nguyện nộp thay H); truy thu số tiền bị cáo T giảm cho người ghi lô, đề là 69.000 đồng) trong số tiền 12.730.000 đồng đã thu giữ, trả lại bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 5.230.000 đồng, trả lại bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 231.000 đồng không liên quan đến việc phạm; tịch thu tiêu hủy 02 bút mực, 01 ghế nhựa, 01 thùng nhựa màu vàng hình chữ nhật là công cụ phạm tội (vật chứng có đặc điểm ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Thanh Miện;
- CQ THAHS Công an huyện Thanh Miện;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính